

Chi tiết mã HS 4706

|                     |                                                                                                                                  |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 4706                                                                                                                             |
| Mô tả hàng hóa      | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác |
| Đơn vị              |                                                                                                                                  |
| Thời điểm tạo       | 01/11/2026 00:56:15                                                                                                              |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                       |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.                 |
| Liên kết            | <a href="https://vietnamtariff.com/hs-code/4706/">https://vietnamtariff.com/hs-code/4706/</a>                                    |

7 dòng thuế thuộc 4706

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 4706.10.00 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Bột giấy từ xơ bông vụn                                                                        | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.20.00 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa)    | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.30.00 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Loại khác, từ tre                                                                              | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.91.00 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Loại khác: / - - Thu được từ quá trình cơ học                                                  | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.92.00 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Loại khác: / - - Thu được từ quá trình hóa học                                                 | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.93.10 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Loại khác: / - - Thu được từ quá trình kết hợp cơ học và hóa học: / - - - Bột giấy abaca (SEN) | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4706.93.90 | Bột giấy từ xơ, sợi thu được từ việc tái chế giấy loại hoặc bìa loại (phế liệu và vụn thừa) hoặc từ vật liệu xơ sợi xenlulo khác / - Loại khác: / - - Thu được từ quá trình kết hợp cơ học và hóa học: / - - - Loại khác            | kg     | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.